

BÁO CÁO TÓM TẮT

Hội nghị Thường trực Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp
“Tháo gỡ điểm nghẽn - Khơi thông nguồn lực - Thúc đẩy tăng trưởng”
(Hà Nội, ngày 18/7/2026)

Kính thưa đồng chí Lê Minh Hưng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ;

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước;

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương, địa phương;

Kính thưa lãnh đạo các tập đoàn, tổng công ty, cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp;

Thưa toàn thể Hội nghị!

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã chủ trì xây dựng Báo cáo trung tâm của Hội nghị với chủ đề “**Tháo gỡ điểm nghẽn - Khơi thông nguồn lực - Thúc đẩy tăng trưởng**” và đã gửi các đại biểu nghiên cứu trước. Thay mặt Bộ Tài chính, tôi xin báo cáo tóm tắt một số nội dung trọng tâm như sau:

I. BỐI CẢNH VÀ YÊU CẦU ĐIỀU HÀNH

Kính thưa Hội nghị,

Thế giới đang bước vào giai đoạn chuyển dịch sâu sắc với nhiều yếu tố bất định. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại, kiểm soát công nghệ và các rào cản phi thuế quan tiếp tục gia tăng. Kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, trong khi thị trường tài chính, tiền tệ, năng lượng, hàng hóa và chuỗi cung ứng vẫn tiềm ẩn nhiều biến động khó lường.

Ở chiều ngược lại, những xu thế mới như trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng và đổi mới sáng tạo đang làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, kinh doanh cũng như năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Dòng vốn đầu tư và chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục được tái cơ cấu theo hướng đa dạng hóa, nâng cao khả năng tự chủ và sức chống chịu trước các cú sốc bên ngoài.

Trong nước, năm 2026 là năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030, mở ra một giai đoạn phát triển mới với yêu cầu cao hơn về tốc độ tăng trưởng, chất lượng, năng suất và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Trong 6 tháng đầu năm, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự nỗ lực của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định; lạm phát được kiểm soát; các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Các khu vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, du lịch, xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài tiếp tục duy trì đà phục hồi tích cực. Công tác hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền và tháo gỡ các dự án tồn đọng cũng được triển khai quyết liệt, tạo thêm dư địa cho tăng trưởng.

Tuy nhiên, mục tiêu tăng trưởng ở mức hai con số trong những năm tới đặt ra yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ tư duy và phương thức điều hành.

Chúng ta cần chuyển từ tư duy **"ổn định để phát triển"** sang **"ổn định để bứt phá"**; từ **"cải thiện môi trường kinh doanh"** sang **"kiến tạo lợi thế cạnh tranh quốc gia"**; từ **"hỗ trợ doanh nghiệp"** sang **"trao quyền, tạo điều kiện và đồng hành để doanh nghiệp phát triển"**.

Điều quan trọng hơn cả là phải khơi thông đồng bộ các nguồn lực về vốn, đất đai, khoa học - công nghệ, hạ tầng, nhân lực và thị trường; đồng thời hình thành mối liên kết chặt chẽ, hiệu quả giữa doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, qua đó tạo nên một hệ sinh thái phát triển thống nhất, phát huy tối đa sức mạnh của từng khu vực doanh nghiệp và của toàn bộ nền kinh tế.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ ĐÓNG GÓP CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP

Kính thưa Hội nghị,

Cộng đồng doanh nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò là lực lượng nòng cốt của nền kinh tế, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng, tạo việc làm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Đến hết tháng 6 năm 2026, cả nước có gần **1,062 triệu doanh nghiệp** đang hoạt động với tổng vốn đăng ký trên **30,6 triệu tỷ đồng**. Khu vực doanh nghiệp

đóng góp trên **60% GDP**, tạo việc làm cho hơn **17,6 triệu lao động** và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước.

Đáng chú ý, niềm tin của doanh nghiệp đối với triển vọng phát triển kinh tế tiếp tục được củng cố. Trong 6 tháng đầu năm, cả nước có gần **170 nghìn doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường**, tăng **11,2%** so với cùng kỳ; trong đó có gần **111,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới**, tăng **22,5%**. Tổng vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới đạt khoảng **1,4 triệu tỷ đồng**, tăng **64,8%**; quy mô vốn bình quân đạt **12,22 tỷ đồng/doanh nghiệp**, tăng **35,7%**. Tỷ lệ doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong năm 2025 đạt **42,6%**, cao hơn **5,5 điểm phần trăm** so với năm trước.

Những kết quả trên cho thấy sức chống chịu, khả năng thích ứng và niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp đang từng bước được cải thiện, tạo nền tảng quan trọng cho mục tiêu tăng trưởng trong giai đoạn tới.

Đối với khu vực doanh nghiệp tư nhân, đây tiếp tục là động lực quan trọng của nền kinh tế khi chiếm khoảng **96% tổng số doanh nghiệp** và **78,2% tổng vốn đăng ký**. Khu vực này giữ vai trò chủ lực trong huy động nguồn lực xã hội, tạo việc làm và đóng góp ngân sách nhà nước. Riêng 6 tháng đầu năm 2026, thu ngân sách từ khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh ước đạt **381,4 nghìn tỷ đồng**, tăng **47,1%** so với cùng kỳ. Trong tổng số 564 công trình, dự án được khởi công, khánh thành đồng loạt trong năm 2025, khu vực tư nhân đóng góp khoảng **3,84 triệu tỷ đồng**, tương đương **74,6% tổng vốn đầu tư**.

Tuy nhiên, khu vực kinh tế tư nhân vẫn đang đối mặt với nhiều rào cản về tiếp cận vốn, đất đai, công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và thị trường; quy mô doanh nghiệp còn nhỏ, năng lực quản trị và sức cạnh tranh chưa tương xứng với tiềm năng và kỳ vọng.

Đối với doanh nghiệp nhà nước, mặc dù chỉ có **695 doanh nghiệp**, nhưng đang nắm giữ nhiều nguồn lực trọng yếu của nền kinh tế trong các lĩnh vực năng lượng, hạ tầng, viễn thông, tài chính, vận tải, khai khoáng và quốc phòng, an ninh. Năm 2025, khu vực này có tổng tài sản khoảng **4,5 triệu tỷ đồng**, vốn chủ sở hữu **2,02 triệu tỷ đồng**, doanh thu gần **2,9 triệu tỷ đồng** và lợi nhuận trước thuế khoảng **261 nghìn tỷ đồng**.

Doanh nghiệp nhà nước tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế và triển khai nhiều dự án chiến lược quốc gia. Tuy nhiên,

hiệu quả hoạt động giữa các doanh nghiệp còn chưa đồng đều; tiến độ đầu tư của một số dự án còn chậm; vai trò dẫn dắt, kết nối và lan tỏa sang khu vực doanh nghiệp tư nhân vẫn cần được phát huy mạnh mẽ hơn.

Đối với khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), đến nay có **41.874 doanh nghiệp** đang hoạt động với **47.132 dự án còn hiệu lực**, tổng vốn đăng ký đạt trên **562,7 tỷ USD**. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng vốn FDI đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần đạt trên **34,65 tỷ USD**, tăng **61%**; vốn thực hiện đạt trên **13 tỷ USD**, tăng **11,2%**.

Khu vực FDI tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, xuất khẩu và chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, mức độ liên kết với doanh nghiệp trong nước, tỷ lệ nội địa hóa, chuyển giao công nghệ và phát triển hệ thống nhà cung ứng Việt Nam vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với quy mô đầu tư và các chính sách ưu đãi đã được hưởng.

Kính thưa Hội nghị,

Nhìn tổng thể, cả ba khu vực doanh nghiệp đều có những lợi thế và đóng góp quan trọng đối với nền kinh tế. Tuy nhiên, sự liên kết giữa doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp FDI còn thiếu chặt chẽ; chưa hình thành được các chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng nội địa có sức lan tỏa lớn.

Đây cũng chính là một trong những điểm nghẽn cần sớm được tháo gỡ để khai thác hiệu quả hơn các nguồn lực của nền kinh tế, nâng cao tính tự chủ, sức chống chịu và năng lực cạnh tranh quốc gia trong giai đoạn phát triển mới.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP

Kính thưa Hội nghị,

Qua tổng hợp ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp và kết quả rà soát của các bộ, ngành, có thể khái quát những khó khăn, vướng mắc hiện nay thành 6 nhóm vấn đề lớn.

Thứ nhất, về thể chế và tổ chức thực hiện. Đây vẫn là điểm nghẽn lớn nhất. Một số quy định pháp luật còn chồng chéo, thiếu đồng bộ; việc ban hành văn bản hướng dẫn ở một số lĩnh vực còn chậm; cách hiểu và tổ chức thực hiện giữa các cơ quan, địa phương chưa thống nhất. Thủ tục hành chính tuy đã được cải cách nhưng vẫn còn tình trạng phân tán, thiếu liên thông; chuyển đổi số chưa đồng bộ, doanh

ng nghiệp vẫn phải khai báo nhiều lần, nộp hồ sơ giấy ở một số thủ tục. Bên cạnh đó, ở một số nơi vẫn còn tâm lý e ngại trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy trong giải quyết công việc, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án và hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thứ hai, về tiếp cận các nguồn lực phát triển. Doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vẫn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận tín dụng, đất đai và các nguồn lực sản xuất. Thị trường vốn, quỹ đầu tư, cho thuê tài chính và các kênh huy động vốn trung, dài hạn chưa phát huy đầy đủ vai trò. Những vướng mắc về quỹ đất, xác định giá đất, giải phóng mặt bằng và thực hiện nghĩa vụ tài chính tiếp tục làm tăng chi phí, kéo dài thời gian đầu tư.

Thứ ba, về chi phí sản xuất, kinh doanh và dòng tiền. Giá nguyên liệu, năng lượng, logistics, vốn và lao động vẫn ở mức cao; trong khi các yêu cầu mới về tiêu chuẩn xanh, phát triển bền vững, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm xã hội làm gia tăng chi phí tuân thủ. Việc chậm thanh toán, hoàn thuế, giải ngân hoặc xử lý các thủ tục liên quan cũng tạo thêm áp lực đối với dòng tiền và vốn lưu động của doanh nghiệp.

Thứ tư, về thị trường và chuỗi cung ứng. Xu hướng bảo hộ thương mại, các biện pháp phòng vệ thương mại, yêu cầu về ESG, giảm phát thải và cơ chế điều chỉnh carbon đang đặt ra những thách thức ngày càng lớn đối với doanh nghiệp Việt Nam. Trong khi đó, thị trường trong nước và các chuỗi cung ứng nội địa vẫn chưa phát huy đầy đủ vai trò là bệ đỡ cho doanh nghiệp phát triển.

Thứ năm, về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực. Cơ chế khuyến khích nghiên cứu, thử nghiệm và thương mại hóa sản phẩm mới chưa thật sự mạnh; liên kết giữa doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học còn hạn chế. Nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực số, nhân lực công nghệ và lao động kỹ thuật, vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Thứ sáu, về liên kết giữa các khu vực doanh nghiệp. Mối liên kết giữa doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn lỏng lẻo. Việc chia sẻ thị trường, chuyển giao công nghệ, phát triển nhà cung ứng và hình thành các chuỗi giá trị trong nước còn nhiều hạn chế, làm giảm hiệu quả lan tỏa của các nguồn lực và ảnh hưởng đến năng lực tự chủ của nền kinh tế.

Những khó khăn nêu trên có nguyên nhân cả khách quan và chủ quan. Tuy nhiên, qua quá trình tổng hợp và rà soát, có thể thấy phần lớn không xuất phát từ việc thiếu chủ trương hay thiếu cơ chế, chính sách, mà chủ yếu do những điểm nghẽn trong quá trình tổ chức thực hiện. Đây cũng là nội dung cần được tập trung tháo gỡ với tinh thần quyết liệt, thực chất và đồng bộ hơn trong thời gian tới.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Việc khơi thông và huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế, trong đó trọng tâm là khu vực doanh nghiệp trong thời gian tới cần được đặt trong tổng thể yêu cầu thực hiện mục tiêu tăng trưởng cao, nâng cao năng lực nội sinh, sức chống chịu và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Do đó, các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới cần quán triệt đầy đủ tinh thần của Kết luận số 18-KL/TW; Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước; Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Trên tinh thần đó, Bộ Tài chính đề xuất các giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Giải pháp chung cho khu vực doanh nghiệp (6 nhóm):

- Hoàn thiện thể chế, cải thiện thực chất môi trường đầu tư, kinh doanh. Khẩn trương rà soát, sửa đổi đồng bộ pháp luật về đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, đấu thầu, doanh nghiệp, thuế, hải quan và quản lý chuyên ngành; bảo đảm văn bản hướng dẫn được ban hành kịp thời và có quy định chuyển tiếp rõ ràng. Chuyển mạnh từ tiền kiểm truyền thống sang hậu kiểm dựa trên dữ liệu, trên cơ sở quản lý rủi ro. Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ giải quyết, khắc phục tình trạng né tránh, sợ sai và đùn đẩy.

- Đẩy nhanh tái thiết kế thủ tục hành chính trên nền tảng số, không chỉ số hóa hồ sơ giấy. Thực hiện nguyên tắc doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần; kết nối, chia sẻ dữ liệu; công khai đầu mối, tiến độ và tình trạng xử lý hồ sơ; tự động cảnh báo hồ sơ quá hạn.

- Khơi thông dòng vốn và dòng tiền cho doanh nghiệp: Hoàn thiện hành lang pháp lý cho vay dựa trên dòng tiền, dữ liệu, hợp đồng, đơn hàng, khoản phải thu,...; mở rộng phạm vi tài sản bảo đảm đối với động sản, hàng tồn kho, tài sản hình thành trong tương lai, quyền tài sản, sở hữu trí tuệ, phần mềm và dữ liệu. Phát

triển đồng bộ thị trường vốn, trái phiếu doanh nghiệp, quỹ đầu tư, cho thuê tài chính và tài trợ chuỗi cung ứng. Thiết lập cơ chế bảo đảm thanh toán đúng hạn đối với hoàn thuế, dự án đầu tư công, mua sắm công và hợp đồng sử dụng ngân sách nhà nước.

- Tháo gỡ vướng mắc đất đai, dự án và phát triển hạ tầng: Hoàn thiện quy trình lựa chọn nhà đầu tư, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, xác định giá đất và nghĩa vụ tài chính theo hướng rõ thủ tục, phương pháp, thời hạn và trách nhiệm. Phân loại và xử lý dứt điểm các dự án chậm tiến độ, công trình ách tắc, đất đai bỏ hoang. Công khai dữ liệu quy hoạch, quỹ đất, giá đất và tình trạng pháp lý dự án trên hệ thống thống nhất. Đẩy nhanh hạ tầng chiến lược về giao thông, logistics, năng lượng, khu công nghiệp và hạ tầng số; bảo đảm cung ứng điện ổn định cho các dự án công nghệ cao, trung tâm dữ liệu và công nghiệp chiến lược.

- Giảm chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí tuân thủ: Thực hiện thống nhất mã hàng, tiêu chuẩn, quy chuẩn và phương pháp kiểm tra; công nhận kết quả thử nghiệm, chứng nhận còn hiệu lực. Áp dụng phân loại rủi ro để miễn, giảm kiểm tra đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt. Tham vấn, đánh giá kỹ tác động trước khi điều chỉnh thuế, phí, tiêu chuẩn và quy chuẩn; có thời gian chuyển tiếp phù hợp. Rà soát giá, phí, phụ phí logistics; kết nối dữ liệu giữa cảng, kho, vận tải, hải quan và cơ quan kiểm tra chuyên ngành nhằm giảm thời gian lưu kho, lưu bãi và thông quan.

- Mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và đổi mới sáng tạo: Đổi mới xúc tiến thương mại theo từng ngành hàng, thị trường và FTA; hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn xanh, ESG, truy xuất nguồn gốc, phòng vệ thương mại. Phát huy thị trường trong nước như một bộ đỡ thông qua kết nối cung - cầu, phát triển thương hiệu Việt, hệ thống phân phối trong nước. Hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, hỗ trợ R&D, thương mại hóa; thúc đẩy liên kết viện, trường, trung tâm đổi mới sáng tạo với doanh nghiệp. Đào tạo, đào tạo lại nhân lực số, xanh, công nghệ và lao động kỹ thuật theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

2. Giải pháp đối với từng khu vực doanh nghiệp

- **Đối với doanh nghiệp nhà nước**, tập trung nguồn lực vào các ngành nền tảng, hạ tầng và công nghiệp chiến lược; đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, nâng cao hiệu quả quản trị và sử dụng vốn. Khẩn trương hoàn thiện danh mục doanh nghiệp nhà nước mạnh, quy mô lớn, có vai trò dẫn dắt; yêu cầu các tập đoàn, tổng công ty công khai nhu cầu mua sắm, tiêu chuẩn kỹ thuật và chương trình phát triển nhà cung ứng trong nước, đồng thời đưa kết quả đổi mới công nghệ, phát triển nhà cung ứng nội địa và tiến độ dự án vào tiêu chí đánh giá người đứng đầu.

- **Đối với khu vực tư nhân**, bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận vốn, đất đai, đầu tư công, mua sắm công và các dự án hạ tầng; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuẩn hóa quản trị, kế toán, công nghệ và tiêu chuẩn để mở rộng quy mô và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị, phát triển các mô hình kinh doanh mới như “**doanh nghiệp 1 người**” để thúc đẩy khởi nghiệp, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

- **Đối với khu vực FDI**, chuyển trọng tâm thu hút từ số lượng sang chất lượng, ưu tiên công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo, năng lượng sạch, hạ tầng số và công nghiệp hỗ trợ; gắn ưu đãi đầu tư với kết quả chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, sử dụng nhà cung ứng Việt Nam, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải.

3. Về giải pháp thúc đẩy cơ chế liên kết giữa ba khu vực doanh nghiệp

Cần thiết lập cơ chế liên kết và đo lường kết quả giữa ba khu vực doanh nghiệp. Lựa chọn các ngành có khả năng lan tỏa cao như năng lượng, điện lực, dầu khí, viễn thông, hạ tầng số, logistics, chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi xanh để xây dựng chuỗi liên kết. Xác định doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp tư nhân lớn làm hạt nhân; doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia các công đoạn cung ứng, dịch vụ kỹ thuật, thiết kế, bảo trì và logistics. Đánh giá bằng các chỉ tiêu cụ thể: tỷ lệ mua sắm trong nước, số doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi, giá trị hợp đồng cung ứng, tỷ lệ nội địa hóa, số dự án chuyển giao công nghệ và số lao động kỹ thuật được đào tạo.

V. TÌNH HÌNH GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ CỦA DOANH NGHIỆP

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương rà soát, tổng hợp, đơn đốc xử lý 53 nhóm khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp do VCCI tổng hợp.

Kính thưa Hội nghị.

Đến hết ngày 16/7/2026, các bộ, ngành đã có ý kiến trả lời đối với **51/53 kiến nghị, đạt 96,2%**. Trong đó, **14 kiến nghị (26,4%)** đã được giải quyết dứt điểm; **20 kiến nghị (37,7%)** đã được giải thích, hướng dẫn thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành; **17 kiến nghị (32,1%)** được các bộ, ngành ghi nhận để nghiên cứu, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách. Hiện còn **02 kiến nghị (3,8%)** đang được các bộ, ngành tiếp tục nghiên cứu, giải quyết.

Riêng đối với Bộ Tài chính, với **12 kiến nghị thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ**, Bộ đã kịp thời hướng dẫn, trả lời theo quy định của pháp luật, đồng thời tiếp thu để nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách trong các lĩnh vực thuế, hải quan, đầu tư, hóa đơn điện tử, hiệp định tránh đánh thuế hai lần và các lĩnh vực liên quan. Đối với **12 kiến nghị chung liên quan đến nhiều bộ, ngành**, Bộ đã chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan để xử lý, hướng dẫn và trả lời các nội dung thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm tháo gỡ khó khăn trên tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp.

Qua quá trình rà soát, xử lý cho thấy **phần lớn khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp không xuất phát từ việc thiếu cơ chế, chính sách mà chủ yếu do cách hiểu và tổ chức thực hiện chưa thống nhất**. Đối với các quy định đã đầy đủ, các bộ, ngành tiếp tục hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện thống nhất; đối với các nội dung còn bất cập, các bộ, ngành đã ghi nhận, tiếp thu để sửa đổi, bổ sung trong quá trình hoàn thiện pháp luật, góp phần tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tháo gỡ điểm nghẽn và khơi thông nguồn lực cho doanh nghiệp.

Xin trân trọng cảm ơn các quý vị đã lắng nghe./.